

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng)	4 - 5
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng)	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng)	8 - 25

V.A.O
CHI M
CÓN
I NH
IST
VIỆT
AI H
KIÊN

V.A.O

H

H.4.

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Kinh doanh số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với tên gọi là Công ty Chứng khoán Vincom. Ngày 6 tháng 5 năm 2011, Công ty Chứng khoán Vincom nhận được chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành theo Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK. Ngày 21 tháng 5 năm 2014, Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Chứng khoán IB theo Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Chi tiết các giấy phép điều chỉnh của Công ty như sau:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
40/GPĐC-UBCK	5 tháng 7 năm 2011
79/GPĐC-UBCK	19 tháng 4 năm 2012
09/GPĐC-UBCK	21 tháng 5 năm 2014
24/GPĐC-UBCK	22 tháng 9 năm 2014

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 24/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 9 năm 2014 thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Ngô Phương Chí – Chủ tịch Hội đồng Quản trị sang bà Cao Thị Hồng – Tổng Giám đốc Công ty.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 8, Tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Đức Thụy	Chủ tịch	Ngày 5 tháng 4 năm 2011	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Thẩm Thị Mai Hương	Chủ tịch	Ngày 1 tháng 04 năm 2014	Ngày 28 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Vui	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2011	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Mừng	Thành viên	Ngày 5 tháng 4 năm 2011	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Bích Diệp	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2013	Ngày 28 tháng 4 năm 2014
Bà Lê Thị Hồng Tâm	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2013	Ngày 28 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014	Ngày 28 tháng 4 năm 2014
Ông Trịnh Xuân Sơn	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014	Ngày 30 tháng 8 năm 2014
Ông Vũ Lâm	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2014	Ngày 30 tháng 8 năm 2014
Ông Ngô Phương Chí	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2014	
Ông Lê Đăng Thọ	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2014	
Ông David Frank Woodhouse	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2014	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Ngày 30 tháng 8 năm 2014	
Bà Cao Thị Hồng	Thành viên	Ngày 30 tháng 8 năm 2014	

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Dư Văn Toàn	Trưởng ban Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2013 Ngày 30 tháng 8 năm 2014	Ngày 28 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 4 năm 2014	
Bà Trần Thị Hồng Hà	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2013	Ngày 28 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Hoàn	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2013	Ngày 28 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Tú Uyên	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2014	
Bà Trương Thị Mai Loan	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2014	Ngày 30 tháng 8 năm 2014

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Trịnh Xuân Sơn	Quyền Tổng Giám đốc	Ngày 29 tháng 4 năm 2014	Ngày 25 tháng 8 năm 2014
Bà Cao Thị Hồng	Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 8 năm 2014	
Bà Lê Thị Hồng Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 7 tháng 5 năm 2013	Ngày 5 tháng 11 năm 2014

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Phụ trách kế toán trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Trần Thị Hồng Hà	Phụ trách kế toán	Ngày 13 tháng 10 năm 2014	
Bà Lê Thị Hồng Linh	Kế toán Trưởng	Ngày 19 tháng 6 năm 2014	Ngày 13 tháng 10 năm 2014
Bà Nguyễn Bích Diệp	Kế toán Trưởng	Ngày 18 tháng 4 năm 2011	Ngày 19 tháng 6 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 1 tháng 4 năm 2014 là Ông Nguyễn Đức Thụy – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 4 năm 2014 đến ngày 28 tháng 4 năm 2014 là Bà Thẩm Thị Mai Hương – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 28 tháng 4 năm 2014 đến ngày 22 tháng 9 năm 2014 là Ông Ngô Phương Chí – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 22 tháng 9 năm 2014 đến ngày lập báo cáo này là Bà Cao Thị Hồng – Chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

BÁO CÁO CỦA TỔNG BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) kèm theo được lập phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Bà Cao Thị Hồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Số tham chiếu: 60933477/17096008

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 2 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) phù hợp với quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 trong thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng).

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 trong thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

14000
CHI NH
CÔNG
NHIỆM
ĐT & Y
ÉT NA
I HÀ N
EM -

Tên Công ty: Công ty Cổ phần
Chứng khoán IB
Số Công văn:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 2 năm 2015

V/v: báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)


Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2014

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.


Trần Thị Hồng Hà
Phụ trách Kế toán


Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc
Khối Tuân thủ & Quản trị rủi ro


Cao Thị Hồng
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	30.473.765.562
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	15.782.693.715
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	60.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (VNĐ) (4=1+2+3)		106.256.459.277
5	Vốn khả dụng	7	312.863.832.792
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4) (%)		294%

Trần Thị Hồng Hà
Phụ trách Kế toán

Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc
Khối Tuân thủ & Quản trị rủi ro



Cao Thị Hồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Kinh doanh số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với tên gọi là Công ty Chứng khoán Vincom. Ngày 6 tháng 5 năm 2011, Công ty Chứng khoán Vincom nhận được chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành theo Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK. Ngày 21 tháng 5 năm 2014, Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Chứng khoán IB theo Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Chi tiết các giấy phép điều chỉnh của Công ty như sau:

<u>Giấy phép điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
40/GPĐC-UBCK	5 tháng 7 năm 2011
79/GPĐC-UBCK	19 tháng 4 năm 2012
09/GPĐC-UBCK	21 tháng 5 năm 2014
24/GPĐC-UBCK	22 tháng 9 năm 2014

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 24/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 09 năm 2014 thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Ngô Phương Chí – Chủ tịch Hội đồng Quản trị sang Bà Cao Thị Hồng – Tổng Giám đốc.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 8, Tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 35 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 21 người).

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 226/2010/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày báo cáo.

Các cách thức diễn giải được Công ty áp dụng trong một số trường hợp đặc thù không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC chưa hướng dẫn cụ thể, Công ty đã áp dụng diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Chú giải
1	Chỉ tiêu " Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật " (Chỉ tiêu g, Khoản 1, Điều 4 – Vốn khả dụng, Thông tư số 226/2010/TT-BTC)	Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng của: <ul style="list-style-type: none">▶ Lợi nhuận lũy kế;▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014;▶ Số dư các khoản dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Do số dư tài khoản dự phòng trên bảng cân đối kế toán là một khoản mục phi tiền tệ, phản ánh số dự phòng đã được trích lập để xử lý các rủi ro phát sinh trong tương lai, toàn bộ số dư dự phòng này được cộng ngược lại vào lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm lập báo cáo để xác định vốn khả dụng của Công ty.
2	Chỉ tiêu " Các khoản phải thu " (Chỉ tiêu g, Khoản 1, Điều 9 – Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư số 226/2010/TT-BTC)	Chỉ tiêu "Các khoản phải thu" bao gồm cả các khoản phải thu khác và các tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán và tiến hành xác định giá trị rủi ro thanh toán của các khoản mục này theo công thức quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC.
3	Chỉ tiêu " Rủi ro tăng thêm " (Khoản 5, Điều 8 – Giá trị rủi ro thị trường)	Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng thêm được tính bằng Hệ số rủi ro thị trường x Quy mô rủi ro thị trường x Hệ số rủi ro tăng thêm.

2.2 Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2 Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- ▶ Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- ▶ Thặng dư vốn cổ phần;
- ▶ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- ▶ Quỹ đầu tư phát triển;
- ▶ Quỹ dự phòng tài chính;
- ▶ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- ▶ Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật;
- ▶ Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- ▶ Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- ▶ Lợi ích của cổ đông thiểu số;

Vốn khả dụng được điều chỉnh tăng/(giảm) các khoản mục sau đây:

3.2.1 Các khoản điều chỉnh tăng

- ▶ Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 5 năm của Công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- ▶ Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên 10 năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; và
- ▶ Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng).

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Vốn khả dụng* (tiếp theo)

3.2.2 *Các khoản điều chỉnh giảm*

- ▶ Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- ▶ Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng);
- ▶ Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày;
- ▶ Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có).

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba) và giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản và giá trị sổ sách (đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng).

3.3 *Giá trị rủi ro thị trường*

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Tất cả các tài sản của Công ty đều được xác định giá trị rủi ro thị trường tại thời điểm báo cáo.

3.3.1 *Hệ số rủi ro thị trường*

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Giá trị rủi ro thị trường* (tiếp theo)

3.3.2 *Giá tài sản*

a. *Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ*

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. *Trái phiếu*

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày gần nhất cộng lại lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá mua; Mệnh giá cộng lại lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua cộng lại lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

c. *Cổ phiếu*

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UpCom là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, hoặc cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Giá trị rủi ro thị trường* (tiếp theo)

3.3.3 *Giá trị rủi ro tăng thêm*

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- ▶ Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- ▶ Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

3.4 *Giá trị rủi ro thanh toán*

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- ▶ Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro

- ▶ Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- ▶ Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn theo quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+3 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

a. Các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại, vay, cho vay chứng khoán:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2.	Cho vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$
3.	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của Hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá trị thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của các tài sản được xác định theo mục 3.3.2.

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

- a. Các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty (tiếp theo)
- ▶ Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

- b. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

3.4.3 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- ▶ Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- ▶ Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thoả thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Giá trị rủi ro thanh toán* (tiếp theo)

3.4.4 *Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán*

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- ▶ Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- ▶ Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- ▶ Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

3.4.5 *Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- ▶ Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- ▶ Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- ▶ Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+3 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết; hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

3.5 *Giá trị rủi ro hoạt động*

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn; dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VNĐ	Giá trị rủi ro VNĐ
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1.	Tiền mặt (VNĐ)	0	18.136.933	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0	50.162.195.807	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ				-
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm	4	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				-
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VNĐ	Giá trị rủi ro VNĐ	
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	
IV. Cổ phiếu				-	
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	198.291.358.200	19.829.135.820	
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	60.733.030.600	9.109.954.590	
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	3.000.540.200	600.108.040	
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-	
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-	
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-	
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-	
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-	
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				-	
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	-	-	
16.	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50	1.102.915	551.458	
VII. Chứng khoán khác				-	
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-	
18.	Các tài sản đầu tư khác	80	-	-	
VIII. Rủi ro tăng thêm (*)				-	
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm (%)	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	EVE	10	10	40.804.950.000	408.049.500
2.	IMP	10	10	52.596.615.400	525.966.154
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				30.473.765.562	

NH
NG
ÊN
&
T N
HÀ
M

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	<i>Giá trị rủi ro VNĐ</i>
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (<i>Thuyết minh 5.1</i>)	1.513.750.000
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (<i>Thuyết minh 5.2</i>)	14.268.943.715
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	15.782.693.715

5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán cho các khoản mục chưa đến hạn thanh toán được xác định như sau:

Đối tác thanh toán		Giá trị rủi ro VNĐ						Tổng giá trị rủi ro VNĐ
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
Hệ số rủi ro theo đối tác		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
Loại hình giao dịch		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán (<i>Thuyết minh 5.1.1</i>)	-	-	-	-	1.513.750.000	-	1.513.750.000
2.	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO THANH TOÁN TRƯỚC THỜI HẠN								1.513.750.000

TỔNG RỦI RO THANH TOÁN TRƯỚC THỜI HẠN

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán (tiếp theo)

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1.	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2.	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,8%
3.	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4.	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5.	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6.	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

5.1.1 Giá trị tiền gửi và tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu

Giá trị tiền gửi và tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Giá trị sổ sách VNĐ	Giá trị tài sản đảm bảo VNĐ	Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo VNĐ	Hệ số rủi ro %	Giá trị rủi ro VNĐ
Các khoản tiền gửi kỳ hạn	25.229.166.667	-	25.229.166.667	6	1.513.750.000
Trong đó:					
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động tại Việt Nam	25.229.166.667	-	25.229.166.667	6	1.513.750.000
	<u>25.229.166.667</u>	<u>-</u>	<u>25.229.166.667</u>	<u>-</u>	<u>1.513.750.000</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

5.2 Rủi ro quá thời hạn thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán của các khoản mục đã quá thời hạn thanh toán được xác định như sau:

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VNĐ)	Giá trị rủi ro (VNĐ)
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4.	Từ 60 ngày trở đi	100	14.268.943.715	14.268.943.715
				14.268.943.715

6. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Chỉ tiêu	Giá trị VNĐ
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	28.059.744.120
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 6.1)	(4.426.458.690)
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	23.633.285.430
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	5.908.321.358
V.	20% Vốn pháp định của Công ty	60.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})		60.000.000.000

6.1 Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

	Giá trị VNĐ
Chi phí khấu hao	2.603.519.481
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2.135.656.299
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(312.717.090)
	4.426.458.690

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	300.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.966.195.125		
5	Quỹ đầu tư phát triển	2.462.261.955		
6	Quỹ dự phòng tài chính	6.428.457.080		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	96.700.193.391		
	- Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối	76.084.171.142		
	Cộng lại:			
	- Số dư các khoản dự phòng	20.616.022.249		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toán bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính (Thuyết minh 7.1)		(7.934.519.621)	2.382.674.800
1A	Tổng			404.005.262.730
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường (Thuyết minh 4)			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
 TRÁI ĐÓNG
 CHẤM

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VNĐ	Khoản giảm trừ VNĐ	Khoản tăng thêm VNĐ
2.	Trả trước cho người bán		77.943.651.060	
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
5.	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho			-
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		43.729.949	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4.	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		277.959.800	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		1.093.753.520	
1B	Tổng			79.359.094.329
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			-

AC
HI
CÔN
NH
ST
IET
AI H
KIEN

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VNĐ	Khoản giảm trừ VNĐ	Khoản tăng thêm VNĐ
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	Tài sản cố định		7.716.966.145	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1.	Đầu tư vào công ty con			
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường (<i>Thuyết minh 4</i>)			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4.	Đầu tư dài hạn khác			
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		4.065.369.464	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo Thông tư số 226			
1C	Tổng			11.782.335.609
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C				312.863.832.792

36
 NI
 Y
 HUL
 SM
 HUY
 T.F

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
(trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KHẢ DỤNG) (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

7.1 Giá trị tăng thêm và giảm đi của chứng khoán

Chi tiết giá trị tăng thêm và giảm đi của chứng khoán tại khoản mục đầu tư tài chính được điều chỉnh vào vốn khả dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Chênh lệch VND
Giá trị tăng thêm			
Cổ phiếu niêm yết	60.007.709.750	62.390.371.600	2.382.661.850
Cổ phiếu chưa niêm yết	48.050	61.000	12.950
Trái phiếu niêm yết	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	-	-	-
	60.007.757.800	62.390.432.600	2.382.674.800
Giá trị giảm đi			
Cổ phiếu niêm yết	204.391.692.627	196.634.017.200	(7.757.675.427)
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.177.323.394	3.000.479.200	(176.844.194)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	-	-	-
	207.569.016.021	199.634.496.400	(7.934.519.621)

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo vốn khả dụng của Công ty.



Trần Thị Hồng Hà
Phụ trách kế toán



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc
Khởi Tuấn thủ & Quản trị rủi ro



Cao Thị Hồng
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2015

